

KẾT CẤU CƯ DÂN - XÃ HỘI ĐÔ THỊ CỦA THĂNG LONG - HÀ NỘI THẾ KỶ XVII, XVIII, XIX

NGUYỄN THỪA

Thong việc nghiên cứu các đô thị, vấn đề kết cấu cư-dân xã hội được đặt ra với một ý nghĩa khá đặc biệt. Một mặt, đô thị là những tụ điểm quần cư tập trung, ở đó có sự cùng tồn tại và đương diện, đối kháng và giao lưu mạnh mẽ của những nhóm và tập đoàn người, những tầng lớp cư dân có những điều kiện kinh tế, lợi ích và lối sống khác nhau; tóm lại là nơi diễn ra đồng thời những quá trình kết nhóm và phân tầng xã hội một cách phức tạp và đa dạng. Mặt khác, cũng chính ở đô thị những sự di động xã hội - cả theo chiều dọc lẫn chiều ngang - xảy ra linh hoạt và mau lẹ hơn nhiều so với trong các cộng đồng phi đô thị khác. Và như vậy, kết cấu cư-dân xã hội một đô thị không những đóng góp vào sự định hình kết cấu kinh tế - xã hội cũng như đặc trưng xã hội - văn hóa của đô thị ấy ở một thời điểm nhất định, mà còn góp phần vào việc phác họa ra dạng thức phát triển và xu hướng chuyển hóa của nó trong những quá trình tiếp sau. Điều đó có thể tìm thấy được trong lịch sử các đô thị trên thế giới, rõ nhất là ở thời trung đại chuyển qua thời cận đại.

Trong các đô thị Tây Âu trung đại, vào lúc mới thành lập, kết cấu cư dân - xã hội của nó là khá thuần nhất. Bên trong một bức thành ngăn cách với nông thôn là một cộng đồng thị dân, bao gồm thợ thủ công và thương nhân, đã tìm cách thoát khỏi sự ràng buộc và khống chế của các lãnh chúa quý tộc trong các lãnh địa. Họ đã cùng nhau kéo đến thị trấn sinh sống, làm ăn, lập nên các phường hội và hội buôn, định ra một cơ chế quản lý chính trị mang tính chất tập thể và dân chủ, mà nói như một nhà sử học, đó là “những bức thành pháp lý” để chống lại sự đe dọa, uy hiếp của tầng lớp lãnh chúa.

Trong những thời gian tiếp sau, sự phân hóa xã hội ở những đô thị trung đại Tây Âu này đã diễn ra khá nhanh chóng. Cùng với sự lớn mạnh của nền sản xuất thủ công thành thị, đặc biệt là sự lớn mạnh của nền buôn bán lớn đường dài xuyên quốc gia, một tầng lớp đại phú thương đã xuất hiện. Tầng lớp đại phú thương này kết hợp với những chủ xưởng thủ công lớn, đã tạo nên bộ phận quý tộc thành thị (*Patricial*), thường được gọi là loại “dân béo” (*populo grasso*). Trong khi đó, đại đa số các thợ bện và những người buôn bán nhỏ đã trở thành tầng lớp thị dân nghèo bị thống trị, đó là loại “dân gầy” (*populo mtnuto*). Đến lượt các đại phú thương đã tìm cách khống chế những chủ xưởng và quần chúng những người sản xuất nhỏ, để trở thành các chủ bao mua và chủ công trường thủ công - hình ảnh đầu tiên của giai cấp tư sản. Cùng lúc đó, những người sản xuất nhỏ bị phá sản, buộc phải đem bán sức lao động, trở thành quần chúng vô sản. Một quan hệ xã hội mới (tư sản - vô sản) đã hình thành và tồn tại như một yếu tố chủ thể trong kết cấu cư dân - xã hội đô thị, đưa các thành thị trung đại này chuyển dần qua một quỹ đạo mới: các thành thị cận đại

Trong các thành thị trung đại ở các nước phương Đông nói chung và ở Việt Nam nói riêng - ở đó đã tồn tại từ khá sớm và duy trì lâu dài một chế độ quân chủ tập trung làm trụ cột cho một loại hình chế độ phong kiến nhà nước - quan liêu - tình hình đã không diễn ra như vậy. Ở đây, nói như Mác trong cuốn *Những hình thức có được sản xuất tư bản chủ nghĩa*, đó là “một thể thống nhất không phân biệt giữa thành thị và nông thôn, nhưng thành phố lớn thật sự có thể được xem một cách đơn giản là những dinh lũy của vua chúa, là một cục bứu mọc trên chế độ kinh tế theo đúng nghĩa của nó”⁽¹⁾. Do vậy, ngay từ khi mới thành lập, tầng lớp quan liêu đã là lực lượng thống trị khổng chế áp đảo trong kết cấu cư dân - xã hội đô thị, đối lập với khối đa số quần chúng bình dân đô thị đa thành phần, trong đó thường dân và thợ thủ công là lõi cốt. Mặt khác, những thế lực kinh tế - xã hội nông thôn vòng ngoài luôn luôn xâm thực và tác động vào thành thị một cách thường trực. Trong điều kiện ấy, khối bình dân đô thị đã khôn thể vươn lên được địa vị làm chủ thành thị, cũng ít có khả năng tự phân hóa. Nền buôn bán lớn và sản xuất lớn không thể phát sinh, và do vậy, tầng lớp “dân béo” cũng không thể ra đời và phát triển để khổng chế quảng đại quần chúng “dân gầy”. Thay vào đó, là một sự đương diện, giao lưu xã hội đã xảy ra giữa bộ phận thị dân lớp trên và khối quan liêu, nhưng hiện tượng đó cũng không dẫn đến một sự thay đổi về chất. Kết cấu cư dân - xã hội đô thị vì thế, dù có chao đảo xô lệch, nhưng không thể nào thay đổi được mô hình. Các đô thị trung đại tuy lớn mạnh nhiều về quy mô, nhưng đã không chuyển được sang quỹ đạo của một đô thị cận đại mang tính chất tư bản chủ nghĩa.

Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi lấy Thăng Long - Hà Nội trong những thế kỷ XVII - XVIII - XIX làm đối tượng nghiên cứu. Đó là một kinh đô lâu đời, một thành thị lớn nhất và tiêu biểu nhất của cả nước. Thời gian nghiên cứu là những thế kỷ mà Thăng Long - Hà Nội, trong đà hưng khởi của mình và sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa đô thị, đã có nhiều khả năng và cơ hội để chuyển mình sang một thành phố cận đại, nhưng điều đó đã không xảy ra trong thực tế lịch sử.

*

* *

Là một tụ điểm cư dân tập chung được phôi thai từ hàng ngàn năm về trước, Thăng Long đã chính thức trở nên một thành thị tiêu biểu và lớn nhất của cả nước vào đầu thế kỷ XI. Trong những thế kỷ tiếp theo, thành thị này đã dần dần được mở rộng, cả về mặt kiến trúc thành quách, số lượng cư dân và các hoạt động kinh tế.

Ngay từ buổi đầu thành lập, Thăng Long do vị trí địa lý thuận lợi của mình, đã là một nơi đông đúc, là “chỗ hội họp của bốn phương”⁽²⁾. Cấu trúc đô thị của nó khá rõ ràng: một phần thành lõi cốt mang tính chất quan liêu - chính trị, cùng với một phần thị bổ sung cho phần thành, mang tính chất dân gian - kinh tế. Sống trong hoàng thành và triều đình vua quan, cùng với hàng ngũ quý tộc, vương hầu, quân sĩ, các cung nữ và sai nha. Bên ngoài hoàng thành mà chủ yếu là ở phía đông, là khu chợ - phố với cảnh tượng “hàng quán chen chúc... rất là huyên náo”⁽³⁾. Ở đó, đã tập

⁽¹⁾ C.Mác: *Những hình thức có được sản xuất tư bản chủ nghĩa* (bản dịch), Hà Nội, 1976, tr. 26 - 27.

⁽²⁾ Sử thần Triều Lê: *Đại việt sử ký toàn thư* (bản dịch), Hà Nội, 1972 - 1978, tập I, tr. 190.

⁽³⁾ Lý Tế Xuyên: *Viện điện u linh* (bản dịch), Hà Nội, 1972, tr. 86.

trung các tầng lớp bình dân đô thị, chủ yếu là người buôn bán và thợ thủ công. Như vậy, kết cấu cư dân đô thị của Thăng Long lúc này cũng đã bước đầu được định hình, với sự phân tầng cơ bản thành hai khối người thống trị và bị trị, quan liêu và bình dân, quần tụ trong 61 phường dưới thời Lý - Trần

Qua thời Lê sơ thế kỷ XV, hoàng thành Thăng Long được mở rộng, bộ máy quan liêu cũng được gia tăng. Cùng lúc, khu dân gian được mở rộng tập trung thành 36 phường đông đúc, trong đó có một số phường chuyên nghề và chuyên mặt hàng. Dân chúng ở các địa phương xung quanh cũng ồ ạt tràn về kinh thành trong đó có cả những người buôn bán kinh doanh lẫn một số nông dân lưu tán không nghề nghiệp.

Đã có những biện pháp can thiệp mạnh mẽ đầu tiên của tầng lớp quan liêu thống trị đối với sự phát triển tự phát của khối bình dân bị trị trong kết cấu cư dân đô thị tại kinh thành Thăng long.

Trong hai thế kỷ XVII - XVIII, kết cấu cư dân - xã hội đô thị của Thăng Long - Kẻ Chợ đã được mở rộng quy mô cả ở phần thành - quan liêu, và phần thị - bình dân. Việc sửa chữa hoàng thành và xây cất quần thể phủ chúa Trịnh ở liền sát khu dân cư đã một mặt làm tăng lên nhanh chóng khối quan liêu - nho sĩ ở đây; mặt khác, nó đã thu hút một số lượng đông đảo các thợ thủ công và thương nhân thuộc đủ mọi loại hạng từ các địa phương lân cận đổ về kinh thành lao động phục vụ, rồi sau đó một số đã ở lại hành nghề tại các phố phường.

Một dòng chảy người và hàng hóa từ các làng chuyên thủ công thuộc tứ trấn xung quanh Thăng Long - Kẻ Chợ (Kinh Bắc, Sơn Tây, Hải Dương, Sơn Nam) đã đổ tràn về kinh thành, tạo nên một sự di động xã hội lớn theo chiều ngang và một sự bùng nổ dân số tại chỗ của đô thị này. Nền tảng của những đợt di dân đó là sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa Đàng ngoài, với sự tăng cường hoạt động trong khâu sản xuất hàng hóa của các làng chuyên thủ công nói trên, cũng như trong mối liên hệ giao thương giữa các tuyến buôn bán quy mô vùng và liên vùng với mạng lưới chợ - phố Thăng Long - Kẻ Chợ. Đây là thời kỳ mà số cư dân đô thị của Thăng Long đã phát triển đến mức cao nhất trong thời trung đại. Theo sự đoán của các lái buôn phương Tây (có thể là phần nào bị phóng đại), thì số dân của Thăng Long - Kẻ Chợ lúc đó đã lên đến “một triệu người”⁽⁴⁾, khoảng 20.000 nóc nhà⁽⁵⁾ hoặc vượt cả những thành phố lớn ở châu Âu “cả về sự hoạt động lẫn về cư dân”⁽⁶⁾. Chúng ta không thống kê được số dân của Thăng Long - Hà Nội lúc đó một cách chính xác, nhưng qua những điều miêu tả, mọi người đương thời chứng kiến đều nhất trí và Kẻ Chợ ở thế kỷ XVII - XVIII đã là một thành thị rất đông dân vào loại lớn nhất ở Đông Nam Á, và có thể so với các thành thị đông dân nhất trên thế giới. Mặt khác, đây cũng là thời kỳ mà sự đối kháng và giao lưu giữa hai khối quan liêu và bình dân đô thị đã diễn ra mạnh mẽ hơn bất cứ lúc nào trong kết cấu cư dân - xã hội của Thăng Long - Kẻ Chợ.

Bước qua thế kỷ XIX, với sự di chuyển kinh đô của triều Nguyễn từ Thăng Long về Huế, tỉnh thành Hà Nội ra đời. Phần thành của đô thị này đã giảm sút đi khá nhiều, kéo theo sự giảm sút của số lượng cư dân toàn thành phố. Trong nửa đầu thế kỷ XIX đặc biệt là dưới triều Minh Mệnh, do chính sách binh dịch và thuế biệt nạp

⁽⁴⁾ A. de Rhodes: *Histoire du royaume du Tonkin (1672 - 62)*. *Revue Indochinoise*, 1908 (2), tr. 109.

⁽⁵⁾ Dampier: *Voyages and Discoveries*, London, 1688, tr. 36.

⁽⁶⁾ Richard: *Histoire naturelle, civile et politique du Tunkin*, (2 vol), Pari, 1778, t. 1, tr 28 - 29

nặng nề của nhà nước phong kiến, nhiều thôn phường ở Thăng Long - Hà Nội đã bị xiêu tán đi ⁽⁷⁾. Trong những năm 70, 80 của thế kỷ XIX, theo sự ước đoán của một số tác giả đương thời, số dân Hà Nội có khoảng chừng từ 10 đến 15 vạn người, tập trung vào khu buôn bán phía đông.

Về đại thể, kết cấu cư dân - xã hội của Thăng Long-Hà Nội trong ba thế kỷ XVII XVIII XIX có thể chia ra làm hai khối chính: quan liêu và bình dân. Đây là hai đẳng cấp thống trị và bị trị, đối kháng về nguyên tắc, nhưng trong điều kiện của nền kinh tế hàng hóa đô thị phát triển, lại có những giao lưu tác động vào nhau, tạo nên những diễn biến và xu hướng khá phức tạp về mặt xã hội học.

QUAN LIÊU- Trong nhiều thế kỷ, Thăng Long đã từng là kinh đô của cả nước, là một trung tâm chính trị-văn hóa lớn. Vì vậy, ở đó đã tập trung một số lượng quan liêu và quân sĩ đông đảo hơn bất kỳ một nơi nào khác. Đẳng cấp thượng lưu của quốc gia cũng là đẳng cấp thượng lưu của thành phố và ngược lại.

Trong hai thế kỷ XVII và XVIII, khối quan liêu ở Thăng Long bao gồm chủ yếu tầng lớp vua quan, quý tộc, thuộc lại, sai nha thuộc triều đình trung ương và một số quan lại địa phương, đứng đầu là các chức phủ doãn và đề lĩnh. Qua thế kỷ XIX, số quan liêu thuộc triều đình trung ương đã rút về Huế, nhưng mặt khác, số quan liêu địa phương cấp tỉnh (đứng đầu là các chức tổng đốc, đề đốc, bố chánh, án sát...) và cấp huyện (đứng đầu là tri huyện Thọ Xương và Vĩnh Thuận) lại tăng lên.

Chúng ta không có tài liệu cụ thể về tổng số quan lại thuộc triều đình trung ương và bộ máy chính quyền địa phương ở Thăng Long thế kỷ XVII - XVIII. Theo cách tính ước lượng của Lê Quý Đôn cả Phan Huy Chú, thì số quan lại ở Thăng Long có khoảng chừng vài nghìn người (trong đó số quan trong triều không quá 300 người). Tuy nhiên, nếu kể cả các họ hàng thân thích của vua Lê chúa Trịnh, cùng các thuộc lại quân hầu, vệ sĩ, gia nhân, thị tỳ thì số đó có thể rất đông.

Một bộ phận khác có quan hệ khá chặt chẽ với giới quan liêu là quân sĩ. Trong thế kỷ XVII-XVIII, vì Thăng Long là kinh đô, nên số lượng binh lính ở đây khá đông. Theo sự ước đoán của một du khách nước ngoài, số binh sĩ đó có thể lên đến xấp xỉ 10 vạn người⁽⁸⁾. Năm 1821, Minh Mệnh duyệt binh ở Bắc Thành, số binh có tới 14.000 người⁽⁹⁾. Đến cuối thế kỷ XIX, số quân đóng ở Hà Nội còn độ 3.000 người⁽¹⁰⁾, tất cả đều đóng ở trong thành. Thực ra, chỉ trừ một số võ quan cao cấp, còn tuyệt đại đa số quan lính đều xuất thân từ khối bình dân, sinh hoạt như bình dân. Phần lớn họ là dân dinh các thôn phường bị bắt lính theo chế độ binh dịch, hoặc vì nghèo túng mà phải “thuê mượn đội tên”⁽¹¹⁾ đi lính thay cho những người khác, hễ có dịp là tìm cách bỏ trốn. Tuy vậy, họ vẫn là một công cụ chuyên chính đặc lực để bảo vệ lợi ích của đẳng cấp vua quan thống trị, được nhà nước phong kiến trả lương và miễn mọi nghĩa vụ thuế má, tức như một bộ phận nằm trong bộ máy nhà nước phong kiến và gắn liền với đẳng cấp quan liêu.

⁽⁷⁾ Quốc sử quán, nhà Nguyễn: *Đại Nam thực lục* (nhiều tập), tập XXIII, tr. 218.

⁽⁸⁾ P. an Đình Khu: *Relation d'un voyage au Tonkin* (1688) (An Nam ký du) Bản dịch Vissiere, BGHD, t. IV, số 2, Paris, 890, tr. 80.

⁽⁹⁾ Thực lục, t. v, 278.

⁽¹⁰⁾ Hocquard: *Une aempagne au Tonkin* (1884), Paris, 1892, tr. 56.

⁽¹¹⁾ *Thực lục*, tr. XVIII, tr. 350.

Nho sĩ cũng là một thành phần nằm trong khối quan liêu trong kết cấu cư dân - xã hội của Thăng Long - Hà Nội. Bản thân các quan lại cũng xuất thân từ các nho sĩ, đỗ đạt rồi ra làm quan. Ở Thăng Long - Hà Nội, còn một số lớn các nho sĩ, từ các địa phương khác nhau, đã kéo lên kinh đô theo học và chờ ứng thí. Ở đó có Quốc tử giám là một trường đại học cấp cao do nhà nước đứng ra tổ chức, thường xuyên có khoảng chừng 300 giám sinh nội trú. Ngoài ra, còn một số đông gấp nhiều lần các học trò lên Thăng Long trọ học, theo học.

Tuy gắn bó với khối quan liêu chủ yếu ở mặt ý thức hệ, các nho sinh này đã xuất thân từ những nguồn gốc khác nhau, mà đại bộ phận là từ bình dân. Tuy nhiên, một khi đã thi đỗ, thì họ đã chuyển dịch đẳng cấp, đứng vào hàng ngũ quan liêu thống trị. Trong bậc thang đẳng cấp của khối cư dân Thăng Long - Hà Nội, nho sĩ là một tầng lớp đông đảo, phức tạp và rất khó định hình. Có thể nói, đây chính là một tầng lớp dọc, trải suốt từ cội gốc bình dân vươn lên đỉnh ngọn quan liêu quý tộc. Mặt khác, đó là một tầng lớp đông, luôn luôn được thay đổi, bổ sung, từ các địa phương kết tụ lại ở Thăng Long - Hà Nội, rồi lại từ đây phân tán đi các địa phương. Tuy nhiên, sự có mặt thường trực của họ ở Thăng Long - Hà Nội với sự gắn bó với khối quan liêu về mặt ý thức hệ đã có một tác động lớn vào đời sống văn hóa - xã hội của đô thị này.

Quay lại quý tộc, quân sĩ và nho sinh đã tập hợp thành khối quan liêu trong kết cấu cư - dân xã hội đô thị của Thăng Long - Hà Nội.

Về mặt chính trị, đây là đẳng cấp thôn trị thành phố, cũng như nó đã là đẳng cấp thống trị quốc gia, chỗ dựa của bộ máy phong kiến. Đó là những người làm nghề cai trị, được nhà nước tuyển dụng và trả lương, điều hành quyền bính đối với quần chúng bình dân đô thị. Nhà nước phong kiến đã đề ra một loạt các luật lệ, chính sách nhằm củng cố địa vị và uy tín của đẳng cấp quan liêu này bằng những chế độ miễn thuế, miễn đao dịch và binh dịch, chế độ giảm tội và chuộc tội bằng tiền. Đặc biệt, triều đình đã đặt ra các điều luật, quy chế quy định rất tỉ mỉ về các tiêu chuẩn sinh hoạt của các bậc quan lại và thứ dân về kích thước nhà cửa, phẩm chất vải lụa và màu sắc quần áo, xe kiệu, đồ dùng hằng ngày.

Điều đáng lưu ý ở Thăng Long - Hà Nội, nơi tồn tại một chính quyền trung ương qua nhiều thế kỷ, với một nền kinh tế hàng hóa - tiền tệ phát triển, thì uy thế và địa vị thống trị của đẳng cấp quan liêu đã được củng cố và biểu hiện rõ nét hơn bất kỳ nơi nào khác.

Về kinh tế, trên danh nghĩa, tầng lớp quan liêu ở Thăng Long - Hà Nội đã sống bằng tiền lương do nhà nước phong kiến trả, cùng với những chế độ bổng lộc, đãi ngộ mang tính chất ưu đãi đẳng cấp. Tuy nhiên, trong cảnh sinh hoạt phồn hoa đô hội, nếu tầng lớp quan liêu này sống một cuộc sống hoàn toàn vô tư liêm chính, thì chắc chắn họ sẽ gặp phải nhiều khó khăn, như trường hợp có những vị quan thanh bạch "việc quan nhàn rồi không đủ tiêu"⁽¹²⁾ mà Phạm Đình Hổ đã nói đến.

Trong điều kiện xã hội đó, tầng lớp quan liêu ở Thăng Long - Hà Nội trên thực tế đã tìm nhiều cách trong những biện pháp ngoại đạo để kiếm sống và làm giàu. Dựa trên uy thế và địa vị xã hội của đẳng cấp mình, lợi dụng những hình thức cưỡng bức siêu kinh tế của nhà nước phong kiến đối với bình dân đô thị, một số quan liêu ở

⁽¹²⁾ Phạm Đình Hổ: *Vũ trung tùy bút* (bản dịch), Hà Nội, 1972, tr. 111.

Thăng Long-Hà Nội đã tiến hành những thủ đoạn hà hiếp, sách nhiễu dân chúng. Đặc biệt, họ còn tiến hành những hoạt động buôn bán lén lút bất hợp pháp thông qua vai trò của những người nhà thân tín hoặc các bà vợ, qua đó thì “ngay cả đến phu phen các bậc đại thần cũng không e ngại gì khi hoạt động buôn bán”⁽¹³⁾.

Vi vậy trong đời sống thực tế, mặc dù lương bổng có hạn, tầng lớp quan liêu ở Thăng Long - Hà Nội nói chung đã sống một cuộc sống giàu có, sang trọng.

Trong kết cấu giai cấp, tầng lớp quan liêu áy Thăng Long-Hà Nội này chính đã là một bộ phận của giai cấp phong kiến. Quyền lực ban đầu và chủ yếu của họ là uy thế chính trị và đặc quyền xã hội, từ đó nảy sinh ra những thủ đoạn cưỡng bức siêu kinh tế và những thủ đoạn bóc lột kinh tế. Một số quan liêu bản thân là những địa chủ phong kiến, trực tiếp bóc lột nông dân ở một vùng quê, một số khác gián tiếp hưởng thụ sự bóc lột đó qua vai trò của một nhà nước thu tô. Phần lớn họ đã xuất thân từ tầng lớp nho sĩ, được hấp thụ và nhào luyện trong ý thức hệ Nho giáo, một ý thức hệ về bản chất đã coi thường các lợi ích vật chất kinh tế, khinh thị nghề buôn và các hoạt động kinh doanh.

Một điều nghịch lý là đại đa số các quan lại, nho sĩ của xã hội Việt Nam thời xưa lại tập trung ở Thăng Long-Hà Nội, một thành thị lúc này đã có một nền kinh tế hàng hóa khá phát triển. Ở đây, lớp người coi khinh lợi ích kinh tế và các hoạt động buôn bán, sống chủ yếu bằng những giá trị tinh thần của ý thức hệ lại đã bị thường xuyên tác động, chi phối bởi các lợi ích kinh tế và các hoạt động buôn bán, bị kích thích, cám dỗ bởi các thú vui thành thị mang tính vật chất sa hoa. Họ là một bộ phận trong đẳng cấp thượng lưu, đứng đầu một quốc gia chủ yếu sống bằng kinh tế nông nghiệp, nhưng cũng lại là một đẳng cấp quan liêu cai trị và đứng đầu một thành thị cơ bản tồn tại được nhờ ở những hoạt động kinh tế công thương nghiệp. Chính cái mâu thuẫn biện chứng nội tại đó của tầng lớp quan liêu - nho sĩ ở Thăng Long-Hà Nội đã góp phần quy định dáng dấp và bước đi của thành phố trung đại này trong một thời gian khá dài.

BÌNH DÂN ĐÔ THỊ - Ở Thăng Long - Hà Nội, giới “sĩ” (tức là khối quan tiền nho sĩ dù sao cũng chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong cư dân, còn lại là đại đa số quần chúng thuộc các giới nông, công, thương cùng một số tầng lớp xã hội thấp kém khác. Tất cả những người này tập hợp thành khối bình dân đô thị, tức là thứ dân đẳng cấp bị trị của thành phố.

Nông dân cày ruộng lúa nước, nếu xét trong toàn bộ xã hội Việt Nam đã là thành phần chủ thể của cư dân, có lẽ cũng không phải là ít đứng về mặt số lượng trong hai huyện của Thăng Long - Hà Nội. Phần lớn họ sống tập trung trong các làng ven đô, bên cạnh tầng lớp nông dân chuyên canh vườn rau quả và tầng lớp thợ thủ công làng xã. Toàn bộ ảnh hưởng của nông dân nông thôn đã in dấu rất đậm nét lên đời sống của cư dân Thăng Long-Hà Nội, về mặt tính cực cũng như về mặt sinh hoạt. Tuy nhiên, xét về mặt loại hình và kết cấu kinh tế - xã hội thì tầng lớp nông dân này lại không phải là một yếu tố điển hình, một thuộc tính loại biệt của Thăng Long - Hà Nội.

Đặc điểm riêng biệt, yếu tố bản chất của Thăng Long - Hà Nội là một thành thị, mà nói như *Đại Nam nhất thống chí* thì: “Thành thị (Hà Nội) là nơi tụ họp công

⁽¹³⁾ Phạm Đình Khuê: Sách đã dẫn, tr. 78.

thượng, có lẫn cả người nước Thanh, tập tục thích xa hoa...Nhà ngói như bát úp, tụ họp các mặt hàng, nhân vật cũng phồn thịnh”⁽¹⁴⁾.

Chính vì vậy mà bộ phận thợ thủ công - thương nhân đã là yếu tố chủ thể của khối cư dân bình dân, và cũng chính là yếu tố chủ thể của cả kết cấu xã hội đô thị của Thăng Long - Hà Nội.

Thăng Long-Hà Nội trong ba thế kỷ XVII- XVIII-XIX đã có rất nhiều các loại thợ thủ công thương nhân khác nhau, trải ra trong một cung bậc khá dài. Có loại thợ thủ công nhà nước, tức là các công tượng làm việc trong các quan xưởng như xưởng đúc tiền, Cu Bách tác... gồm có các tượng mục (đốc công) và tượng dịch (thợ trực tiếp sản xuất). Người ta ước tính là ở Tràng Tiền (Hà Nội) trong thời kỳ thịnh đạt dưới triều Minh Mệnh đã có tới 20 lò đúc với khoảng chừng 500 nhân công lao động và hơn 600 lính phục dịch. Các công tượng này làm việc theo một quy chế lao động hết sức khắt khe với một kỷ luật quân đội. Có thể nói đó là những lính thợ. Để bù lại, họ được miễn giảm thuế thân, binh dịch và đao dịch, được nhà nước trả lương.

Các thợ thủ công tự do cũng bao gồm nhiều loại hạng: thợ thủ công lưu động tập hợp trong các phường hiệp (như các phường hiệp thợ nề, thợ mộc, thợ khắc bản in, thợ đóng cối...), thợ thủ công cố định trong các cửa hiệu ở phố phường hoặc trong các làng chuyên thủ công ven đô (như thợ vàng bạc, thợ tiện, thợ sơn, thợ khám, thợ giày, thợ đúc, thợ dệt - nhuộm, thợ làm giấy, thợ làm đồ gốm...). Các loại thợ này lại phân chia thành các tiểu chủ và các lao động làm thuê.

Thương nhân cũng bao gồm nhiều thành phần khác nhau: thương nhân - chủ hiệu, các thương nhân buôn chuyển của đường dài, tầng lớp phú thương Hoa kiều. Thêm vào đó, là đông đảo những người sản xuất nhỏ kiêm buôn bán nhỏ từ các làng nông thôn phụ cận đã kéo ra tràn ngập Thăng Long - Hà Nội trong các ngày phiên chợ, mua bán, trao đổi, sau đó lại trở về làng quê của mình.

Nguồn gốc của các thợ thủ công này một phần là dân bản xã lâu đời của một số làng chuyên ven đô, một số lớn khác là từ các làng quê chuyên nghề thủ công thuộc các trấn lân cận đã di cư lên hành nghề tại Thăng Long - Kẻ Chợ. Thường là thoát đầu có một số ít người rời làng quê lên làm ăn sinh sống tại kinh đô, hoặc ở lại hành nghề sau một thời gian lao động phục vụ cho nhà nước phong kiến. Tiếp đó, thấy công việc làm ăn buôn bán thuận lợi, một số đông dân làng đã rủ nhau đem nghề chuyên của mình kéo lên mở cửa hiệu sinh nhai tại Kẻ Chợ, lập nên các phố phường chuyên nghề và chuyên mặt hàng, phần lớn bao gồm những thợ thủ công cùng một làng quê gốc.

Số lượng các ngành nghề thủ công ở Thăng Long - Hà Nội trong những thế kỷ này khá phong phú, tập trung thành mấy nhóm chính: nghề gốm sứ, các nghề về vải lụa, các nghề về kim loại, các nghề đồ gỗ, các nghề đồ da, các nghề tre mây và một số các nghề khác.

Qua đó, ta thấy các phường thôn ven đô tập trung các loại thợ thủ công thuộc các ngành nghề đòi hỏi một quy trình lao động phức tạp và một hiện trường lao động rộng rãi, như các thợ đồ gốm Bát Tràng, thợ dệt và thợ làm giấy các thôn phường vùng Bưởi, thợ đúc đồng Ngũ Xã.

⁽¹⁴⁾ Quốc sử quán nhà Nguyễn: *Đại Nam nhất thống chí* (5 tập), Hà Nội, 1971 t. III, tr. 165, 189.

Trong những phố phường của Thăng Long - Hà Nội, tập trung các loại thợ thủ công thuộc các ngành nghề đòi hỏi một kỹ thuật tinh xảo mà không cần đến một hiện trường lớn như các nghề vàng bạc, tiện, khảm, sơn, đóng giày... Ở đây, tính chất tiểu chủ trong sản xuất đã thể hiện đậm nét hơn.

Những người thợ thủ công - tiểu chủ này thường sản xuất và bán hàng theo hai phương thức: gia công làm hàng thừa theo yêu cầu của khách (thường là với giá đắt) và bán hàng làm sẵn bày tại các cửa hiệu với số lượng không nhiều. Một số thợ thủ công nghèo thì đến gia chủ làm thuê và được trả tiền công, thường là kèm theo những bữa ăn.

Bên cạnh bộ phận tầng lớp thợ thủ công - thương nhân và một chủ xưởng thủ công, là bộ phận các nhà buôn bán. Ngoài tầng lớp đại phú thương Hoa kiều ở các phố Hàng Ngang, Hàng Buôn, Mã Mây, Phúc Kiến (Lãn Ông) nắm độc quyền việc xuất nhập khẩu, các nhà buôn bán tư lự ở phố Hàng Đào và những người đổi tiền bạc ở phố Hàng Bạc là những thương nhân giàu có hơn cả. Tuy nhiên, họ vẫn không tập hợp được thành một tầng lớp đại thương buôn bán đường dài xuyên quốc gia, không chế những người sản xuất nhỏ để trở thành một tầng lớp quý tộc đô thị, như trường hợp của tầng lớp đại phú thương trong các thành thị trung đại Tây Âu.

Những người thợ thủ công tự do trong các thôn phường ở Thăng Long - Hà Nội đã không bị nhà nước trực tiếp quản lý, giám sát như các công tượng, nhưng đã được khuyến khích gia nhập vào các tượng cục, là những tập đoàn sản xuất mang tính chất tự quản được nhà nước công nhận và duyệt y, thí dụ đối với nghề làm gốm ở Bát Tràng, nghề làm giấy ở Bưởi, nghề đúc bạc ở Hàng Bạc. Những thợ thủ công trong các tượng cục này được miễn trừ các loại thuế thân, binh dịch và đao dịch. Ngược lại, họ phải đóng thuế thổ sản - biệt nạp (tính mức theo từng loại nhân đinh và gộp lại thành mức của cả tượng cục trong phạm vi thông thường). Các thương nhân thì phải nộp thuế chợ, những người buôn chuyên từ các nơi về Thăng Long - Hà Nội hoặc từ Thăng Long - Hà Nội đi các nơi khác thì phải nộp thuế tuần ty - quan tân, đánh vào hàng hóa khi chuyển chở, với tỷ lệ khoảng chừng 1/40 giá trị hàng hóa. Những thị dân nói chung ở các phố phường thì phải nộp thuế thân (được giảm chừng 1/2 so với các nơi khác), thuế đất nhà ở (mỗi năm mỗi người đóng 10 đồng)⁽¹⁵⁾. Họ cũng phải thực hiện những nghĩa vụ lao dịch như sửa đường, dọn cỏ xung quanh cung đình, cung ứng cho các việc kiến trúc⁽¹⁶⁾

Ngoài việc chịu nghĩa vụ đối với nhà nước phòng kiến, dân chúng các thôn phường Thăng Long - Hà Nội còn phải thực hiện một số nghĩa vụ và đóng góp đối với các thôn phường sở tại và làng quê gốc.

Những người thợ thủ công trong các phố phường Thăng Long - Hà Nội có những mối liên hệ vật chất và tinh thần rất gắn bó với làng quê cũ của mình. Trong một thời gian dài, mặc dù đã di cư ra thành phố, họ vẫn tự coi mình như những thành viên thực thụ của làng quê gốc, chịu nghĩa vụ sưu thuế ở đó. Qua một vài đời ở phố, nhưng họ vẫn còn là những “thành viên danh dự” của làng quê. Trong những dịp giỗ tết, họ vẫn thường về quê thăm hỏi bà con, họ hàng làng xóm, tham gia

⁽¹⁵⁾. *Lịch triều tạp ký*, tập II, tr. 76.

⁽¹⁶⁾. *Phạm Đình Hồ*: Sách đã dẫn, tr. 23

hội họp với dân làng đóng góp những khoản tiền cho dân làng chi dùng vào những công trình lợi ích công cộng.

Trong thôn phường sở tại mà họ sinh sống, các thợ thủ công-thương nhân cũng rất gắn bó với nhau bởi một tinh thần cộng đồng những người cùng một làng quê gốc, cùng nhau chung tiền đóng góp xây dựng nhiều đình chùa, miếu mạo thờ thành hoàng làng quê gốc hoặc ông tổ nghề, duy trì việc thờ cúng, như đối với tổ các nghề thêu, lọng, đúc đồng, sơn đồ gỗ, thuộc da. Đặc biệt, trong một số thôn phường, họ đã cùng nhau đóng góp xây dựng những đền thờ vọng, ngụ ý hướng về quê hương bản quán.

Tóm lại những người thợ thủ công - thương nhân trong các thôn phường Thăng Long - Hà Nội, nếu về mặt kinh tế đã là những con người tương đối độc lập, tự do, ít bị ràng buộc bởi những luật lệ, quy chế khe khắt kiểu phường hội ở phương Tây (trừ những thợ công tượng), thì trái lại, về mặt chính trị - xã hội, họ đã tồn tại trong nhiều mối liên hệ ràng buộc về vật chất và tinh thần của những cộng đồng chằng chéo: thân dân của một nhà nước phong kiến, thành viên của thôn phường sở tại, thành viên của làng quê gốc.

Dưới sự níu kéo của những cộng đồng làng xã và sự khống chế của một bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế, họ chưa bao giờ trở thành những con người độc lập như những người thị dân thực thụ hiểu theo nghĩa chính xác về mặt kinh tế - xã hội của từ ngày, càng chưa bao giờ có điều kiện để vươn tới địa vị của những công dân, những chủ nhân pháp lý và thực tế của những thành thị tự trị như ở Tây Âu thời trung đại. Cũng vì lẽ đó, trong số những thợ thủ công - thương nhân Thăng Long - Hà Nội ở những thế kỷ XVII - XVIII - XIX, mặc dù đã có những bước phát triển lớn lao, vẫn không thể nào xuất hiện được một tầng lớp quý tộc thành thị bao gồm những nhà đại thương và những chủ xưởng lớn có thể khống chế được quần chúng những người sản xuất nhỏ, trở thành chủ bao mua rồi chủ công trường thủ công, hầu khả dĩ đưa Thăng Long - Hà Nội thoát khỏi mô hình một thành thị trung đại để chuyển sang quỹ đạo của một loại thành thị cận đại mang tính chất tư bản chủ nghĩa.

Cuối cùng, trong khối bình dân đô thị của Thăng Long-Hà Nội thế kỷ XVII- XVIII XIX, ngoài bộ phận chủ thể là các thợ thủ công-thương nhân, ta còn có thể kể đến một số thành phần khác, thường bị gọi là các tầng lớp cận bã, hạ đẳng đô thị. Trong nền kinh tế hàng hóa phát triển ở một nơi phồn hoa đô hội và trong điều kiện lễ giáo phong kiến bị lung lay, ở Thăng Long thế kỷ XVII - XVIII - XIX, nhất là ở những nơi chợ búa đông người, đã có nhiều “những quân trộm cắp hay thừa cơ cướp giết, có khi thò cả tay vào túi người ta để móc lấy hết cả”⁽¹⁷⁾.

Ở Thăng Long - Hà Nội, những tầng lớp hạ đẳng này dù sao cũng chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ bé trong cư dân. Tuy nhiên, nó đã có một ảnh hưởng nhất định đến lối sống, tâm lý và bộ mặt sinh hoạt của thành phố.

*

* *

⁽¹⁷⁾ Phạm Đình Hồ: Sách đã dẫn, tr. 84

Trên kia, chúng ta đã xét về mặt kết cấu cư dân-xã hội đô thị Thăng Long- Hà Nội trong những thế kỷ XVII - XVIII-XIX gồm hai khối người chính: quan liêu và bình dân đô thị. Đó là hai đẳng cấp thống trị và bị trị, có địa vị xã hội đối lập nhau. Nhà nước đã ban hành một loạt các luật lệ, quy chế, sắc lệnh về sự phân biệt đối xử trong tiêu chuẩn sinh hoạt của hai đẳng cấp. Trong khi ưu đãi lối sống xa xỉ của tầng lớp quan lại, nhà nước phong kiến đã cấm đoán thứ dân không được phép xây nhà bằng gạch đá hoặc làm nhà gác⁽¹⁸⁾, không được dùng ngựa, áo mặc đều phải dùng vải lụa nội hoá, mâm tráp sơn đen, bát đĩa cũng chỉ được dùng đồ ta, v.v...

Như vậy, trên danh nghĩa, chỉ có quan liêu mới được quyền sinh hoạt xa xỉ, còn các tầng lớp bình dân đô thị đã bị cấm đoán sử dụng mọi vật phẩm xa xỉ đó, dù cho họ có chính là những người đã sản xuất ra những hàng hóa quý giá kia, hoặc dù họ có nhiều tiền của, giàu có đến đâu chăng nữa.

Điều đó đã dẫn đến một mâu thuẫn là : đẳng cấp quan liêu có chức có quyền, được pháp luật cho tiêu dùng những hàng hóa xa xỉ kia nhưng nếu không dùng đến những thủ đoạn ngoại đạo để làm giàu thì không thể nào có được trong tay những vật phẩm đắt tiền đó. Ngược lại, một tầng lớp thị dân giàu có, có thừa tiền bạc để mua mọi hàng hóa xa xỉ quý giá, nhưng lại không có địa vị xã hội, tiêu chuẩn để được phép sinh hoạt, tiêu dùng. Quan liêu và thị dân giàu có đều ghen tị về của cải hoặc địa vị xã hội của nhau. Sự cùng hướng về nhau một cách thầm kín của hai đẳng cấp chính ở Thăng Long-Hà Nội đã dẫn đến một hiện tượng giao lưu đẳng cấp, sự gặp gỡ đan xen tất yếu của hai tầng lớp có quyền và có tiền ở Thăng Long- Hà Nội lúc này.

Chúng ta đã nói đến một số thủ đoạn của giới quan liêu đã tìm cách làm giàu như thế nào. Bên cạnh khuynh hướng quan liêu thị dân hóa, thì cũng đã xuất hiện một khuynh hướng thị dân quan liêu hóa. Một số nhà giàu bình dân ở Thăng Long - Hà Nội đã bỏ tiền của ra mua quan tước, hiến thóc, phát chẩn để được ban phẩm hàm, hoặc dùng tiền của để bắt chức lối sinh hoạt đài các của các tầng lớp quan liêu.

Hình thức điển hình nhất của sự giao lưu giữa hai đẳng cấp quan liêu và thị dân diễn ra trong khuôn khổ thành thị Thăng Long - Hà Nội là các cuộc hôn nhân giữa các quan nghề tân khoa với các cô con gái một số nhà giàu buôn bán. Đó cũng chính là cuộc hôn nhân chính trị - kinh tế giữa hai tầng lớp quan liêu và thị dân lớp trên của Thăng Long - Hà Nội.

Sự tồn tại đồng thời hai khuynh hướng quan liêu thị dân hóa và thị dân quan liêu hóa cùng sự giao lưu đan xen đẳng cấp diễn ra ở thành thị Thăng Long - Hà Nội đã làm hai đẳng cấp đối lập có xích lại gần nhau hơn ở những nơi khác. Sự phân biệt mang tính chất đẳng cấp về địa vị pháp lý và tiêu chuẩn sinh hoạt ở đây cũng vì đó mà phần nào bị loãng nhạt đi, xen vào là một số hiện tượng tiếm vượt và chuyển dịch đẳng cấp.

Qua thế kỷ XIX, dưới triều Nguyễn, nhà nước chuyên chế đã có gắng khôi phục lại lễ giáo phong kiến, trật tự đẳng cấp bằng một loạt các biện pháp pháp chế, hành chính và những quy định bắt buộc gọi là “huấn điều”. Nhưng việc đó vẫn không

(18). Bissachere: *État actuel du Tonkin, de la Cochinchine et des royaumes de Cambodge, Laos et Lactho* (2 tomes), Pari, 1842, t. I, tr. 188.

ngăn cản được hiện tượng giao lưu và tiềm vượt đẳng cấp, tính xa xỉ và chuộng lạ của cư dân Hà Nội, giờ đây đã trở thành một xu thế lịch sử, nhất là trong điều kiện thành phố này ở xa kinh đô và vẫn có một nền kinh tế hàng hóa phát triển và tinh xảo nhất nước.

Tuy nhiên, trong điều kiện của một chế độ phong kiến tập quyền, kết cấu cư dân-xã hội của Thăng Long-Hà Nội dù bị chao đảo, xô lệch đi đến mức nào chăng nữa, thì cơ chế đẳng cấp đó vẫn không bị phá vỡ trật tự cơ bản của xã hội phong kiến vẫn không bị đảo lộn. Trong khi khuynh hướng thị dân quan liêu hóa được tiếp tục phát triển bằng con đường khoa cử và hôn nhân, thì khuynh hướng thị dân quan liêu hóa đã dừng lại ở chỗ sinh hoạt xa xỉ và một số thủ đoạn buôn bán lén lút và gián tiếp. Ở Thăng Long - Hà Nội, cũng như ở các thành thị khác của Việt Nam, quan liêu không thể có can đảm tiến xa hơn để công khai, trực tiếp đi vào các hoạt động kinh doanh kinh tế. Lớp người này đã bị ràng buộc khá chặt chẽ bởi pháp luật và nhất là bởi tư tưởng khinh rẻ nghề buôn và nói chung là lao động chân tay của ý thức hệ Nho giáo. Do vậy, sự giao lưu đẳng cấp và chuyển dịch xã hội ở đây đã không dẫn đến một chuyển biến mô hình trong cơ cấu kinh tế-xã hội.

Trọng kết cấu cư dân-xã hội đô thị đa thành phần gồm đủ cả bốn giới sĩ, nông, công, thương của Thăng Long - Hà Nội, tầng lớp quan liêu phi sản xuất và kìm hãm sản xuất vẫn là lực lượng thống trị về vật chất và tinh thần của thành phố. Trong khi đó, các giới nông - công-thương là khối bình dân đô thị trực tiếp sản xuất nuôi sống đô thành, thì lại là đám quần chúng đông đảo của những người sản xuất nhỏ, không có địa vị làm chủ thành phố về kinh tế và chính trị, lại bị cuốn hút và chìm ngập đi trong cái biển cả của những cộng đồng làng xã nông thôn. Trên con đường kinh tế-xã hội, thành thị lớn nhất và cũng là đông dân nhất của xã hội Việt Nam cổ truyền vẫn ỳ ạch bước đi, trong cái ráng chiều chạng vạng của giai đoạn cuối của thời trung đại.